

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN TIẾNG ANH 2018

Đỗ Thị Ngọc Hiền

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: quynhhien2007@gmail.com

Article history

Received: 25/7/2022

Accepted: 16/8/2022

Published: 05/10/2022

Keyword

Competence-based approach, general education curriculum, general competencies, specific competencies, communicative competence

ABSTRACT

Competence-based approach is one of the highlights of the 2018 General Education Curriculum in general and the 2018 English language curriculum in particular. The English language curriculum not only contributes to the development of the general competences specified in the 2018 General Education Curriculum, but also focuses on the development of the subject's specific competencies - communicative language competency. The article is aimed at analyzing how the English language curriculum contributes to the formation and development of the necessary competencies for students, especially the competency to communicate in English. It is hoped that with the competence-based approach, English teaching in schools will create a breakthrough for the quality of foreign language teaching in general and English language in particular.

1. Mở đầu

“Ngày nay, vị trí của môn ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng không còn là vấn đề phải bàn cãi. Nếu như trong những năm giữa thế kỉ XX, “ngoại ngữ ở nhiều quốc gia chưa có vị trí phù hợp ở bậc phổ thông thì từ đầu những năm 1980 trở lại đây, ngoại ngữ đã có một vị trí xứng đáng, trở thành một môn học bắt buộc” (Hoàng Văn Vân, 2019). Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2008-2020” đã xác định một trong các nhiệm vụ cần thực hiện là “tổ chức xây dựng các chương trình ngoại ngữ phổ thông 10 năm, bắt đầu từ lớp 3 đến lớp 12, biên soạn sách giáo khoa, tài liệu học tập, giảng dạy, phù hợp với quy định về năng lực trình độ của mỗi cấp, lớp học” (Thủ tướng Chính phủ, 2008). Ngày 26/12/2018, Bộ trưởng Bộ GD-ĐT đã kí Thông tư số 32/2018-TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh (CTTA 2018). Môn Tiếng Anh (TA) chính thức được dạy học bắt buộc và liên tục từ lớp 3 đến lớp 12. Theo lộ trình đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT), trong năm học 2022-2023, CTTA 2018 sẽ được triển khai trên toàn quốc ở các lớp 3, lớp 7 và lớp 10 (Bộ GD-ĐT, 2018b).

CTTA 2018 được phát triển dựa trên cơ sở kế thừa những đặc điểm của CTTA trước đây (CTTA 2006, được dạy học từ lớp 6 đến lớp 12) và cập nhật có chọn lọc những xu thế về CTTA trên thế giới hiện nay. CTTA 2018 có những điểm mới so với CTTA 2006. Trong số những điểm mới đó, cần phải kể đến điểm mới nổi bật của CTTA 2018 là chương trình được xây dựng theo quan điểm phát triển năng lực (NL) cho HS: đó là những NL chung quy định trong CTGDPT tổng thể (*NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo*),... và đặc biệt là phát triển NL đặc thù của môn học TA là NL giao tiếp.

Bài báo này tập trung làm rõ định hướng phát triển NL được thể hiện trong CTTA 2018 thông qua 02 vấn đề nghiên cứu: (1) Nghiên cứu cách thức các NL chung hình thành và phát triển trong CTTA 2018; (2) Nghiên cứu cách thức NL đặc thù của môn TA (NL giao tiếp) hình thành và phát triển trong CTTA 2018. Chúng tôi sử dụng nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận, bao gồm các phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá tài liệu, từ đó giúp người sử dụng chương trình hiểu rõ và triển khai có hiệu quả chương trình xây dựng theo định hướng phát triển NL ở cơ sở giáo dục địa phương.

2. Kết quả nghiên cứu

CTTA 2006 và những chương trình trước đó chủ yếu được xây dựng theo hướng tiếp cận nội dung. Theo tiếp cận này, chương trình đề xuất một danh mục đề tài, chủ điểm/chủ đề của môn học hoặc lĩnh vực học tập để triển khai dạy học cho HS. Do vậy, chương trình tiếp cận nội dung chú trọng đến cung cấp kiến thức nói chung và chưa chú ý đúng mức đến nhu cầu, hứng thú, phong cách học,... của người học. Mục tiêu phát triển NL cá nhân nêu trong Luật Giáo dục chưa được cụ thể hoá trong chương trình; chương trình các môn học chỉ xây dựng chuẩn kiến thức, kĩ năng và yêu cầu về thái độ mà chưa xây dựng chuẩn đầu ra về phẩm chất và NL của HS.

CTGDPT 2018 được xây dựng theo tiếp cận NL nhằm phát triển phẩm chất và NL người học. Chương trình quy định NL bao gồm NL chung và NL đặc thù môn học, trong đó NL chung được hình thành và phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, còn NL đặc thù môn học được hình thành và phát triển thông qua môn học hoặc hoạt động giáo dục tương ứng. Chương trình tiếp cận NL nêu rõ HS có thể làm được gì và làm với mức độ như thế nào khi kết thúc mỗi giai đoạn học tập trong nhà trường. Cách tiếp cận này một mặt yêu cầu HS nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản, nhưng điều quan trọng hơn là chương trình chú trọng đến khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực hành, giải quyết các tình huống trong học tập và cuộc sống của HS, từ đó hình thành và phát triển các NL cơ bản mà mọi HS đều cần phải có cũng như phát triển NL riêng biệt của từng cá nhân. Sự thay đổi căn bản trong cách tiếp cận này sẽ ảnh hưởng và chi phối tất cả các mắt xích của quá trình dạy học như: nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học, cách thức kiểm tra, đánh giá, quản lý và thực hiện CT,... nhằm tạo ra sự thay đổi căn bản về chất lượng giáo dục.

CTTA 2018 tuân thủ các quy định được nêu trong CTGDPT tổng thể của Bộ GD-ĐT về phát triển NL cho HS, cụ thể là môn TA góp phần hình thành và phát triển các NL chung (NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo); NL đặc thù của môn học (NL giao tiếp).

2.1. Các năng lực chung trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018

Trong CTGDPT tổng thể, yêu cầu cần đạt về các NL chung được thể hiện tường minh dưới dạng các biểu hiện, hành vi có thể quan sát và đánh giá được với các cấp độ từ thấp đến cao. Công việc này được thực hiện dựa trên tiến trình bao gồm các bước: (1) Làm rõ nội hàm thông qua định nghĩa về NL, từ đó xác định các thành tố của NL; (2) Liệt kê các chỉ số hành vi phản ánh nội dung, yêu cầu của thành tố đó dưới dạng các hành động làm, nói, tạo ra và viết; (3) Với mỗi chỉ số hành vi, thiết lập và mô tả các tiêu chí chất lượng thể hiện cấp độ từ thấp đến cao; (4) Tổng hợp các tiêu chí chất lượng cho từng chỉ số hành vi, từng thành tố để mô tả tổng thể yêu cầu cần đạt theo từng mức độ từ thấp đến cao. Ví dụ, đối với *NL giải quyết vấn đề và sáng tạo*, CTGDPT tổng thể xác định nội hàm và 6 thành tố của NL là: (1) Nhận ra ý tưởng mới; (2) Phát hiện và làm rõ vấn đề; (3) Hình thành và triển khai ý tưởng mới; (4) Đề xuất, lựa chọn giải pháp; (5) Thiết kế, tổ chức hoạt động; (6) Tự duy độc lập.

Mô tả về yêu cầu cần đạt đối với các thành tố của các NL chung: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo được trình bày cụ thể và đầy đủ trong CTGDPT tổng thể. Đây được xem là cơ sở để biên soạn, tổ chức triển khai chương trình các môn học và các hoạt động giáo dục và là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá NL của HS.

Do đặc thù của môn học, TA là một trong những môn học có nhiều ưu thế trong việc góp phần hình thành và phát triển toàn diện các NL chung đã được nêu trong CTGDPT tổng thể. Những NL chung này được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy học với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học trong các hoạt động thực hành giao tiếp nghe, nói, đọc, viết bằng TA. Trong CTTA 2018, có thể tóm tắt một số cách thức HS hình thành các NL đó như sau:

2.1.1. Năng lực tự chủ và tự học

Một trong những nguyên tắc xây dựng CTTA 2018 là nguyên tắc lấy hoạt động học của HS là trung tâm của quá trình dạy học (learning-centered). NL giao tiếp bằng TA của HS được phát triển thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. GV là người tổ chức, hướng dẫn quá trình dạy học, khuyến khích HS tham gia hoạt động luyện tập ngôn ngữ ở mức tối đa và từng bước nâng cao khả năng tự học.

Có phương pháp học tập tốt sẽ giúp HS phát triển NL giao tiếp bằng TA một cách hiệu quả. Thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, HS hình thành một số phương pháp học tập cơ bản như: cách xác định mục tiêu và kế hoạch học tập, cách luyện tập các kỹ năng giao tiếp và học kiến thức ngôn ngữ, cách sử dụng tài liệu học tập và học liệu điện tử, cách thức tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động học tập tương tác, tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động, kế hoạch học tập của bản thân.

Dưới sự hướng dẫn của GV, HS lựa chọn các phương pháp học tập phù hợp với NL, đặc điểm và điều kiện học tập của cá nhân. Các phương pháp học tập phù hợp giúp HS học tập tích cực và có hiệu quả, trở thành những người học có khả năng tự học một cách độc lập trong tương lai.

2.1.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

TA là môn học đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành và phát triển NL giao tiếp TA cho HS. Thông qua học TA, HS xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp để trao đổi thông tin, thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống bằng TA, từ đó hình thành và phát triển NL giao tiếp TA của bản thân. Trong quá trình rèn luyện ngôn ngữ, HS

cũng đồng thời rèn luyện khả năng phát triển cảm xúc cá nhân, nhờ đó các em có thể nhận biết, thấu hiểu và đồng cảm với suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.

CTTA 2018 được xây dựng theo hệ thống chủ đề/chủ đề. Thông qua các chủ đề/chủ đề đa dạng, hấp dẫn, phù hợp với lứa tuổi, HS rèn luyện kỹ năng sống hoà hợp và hội nhập trong môi trường đa văn hóa. Những hoạt động học tập phổ biến trong dạy học TA như dự án, hoạt động cặp, nhóm,... rèn luyện cho HS những kỹ năng ban đầu về hợp tác, từ đó thiết lập và phát triển mối quan hệ phù hợp với những người xung quanh.

2.1.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

NL giải quyết vấn đề trong môn TA được thể hiện ở khả năng xác định yêu cầu của tình huống giao tiếp, đánh giá nội dung văn bản, làm rõ thông tin, ý tưởng mới từ các nguồn khác nhau, phân tích và lựa chọn các ngữ liệu phù hợp,... để thực hiện hiệu quả các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp. Trong giờ học TA, GV tạo ra các tình huống giao tiếp có vấn đề thông qua các hoạt động như đóng vai, trò chơi ngôn ngữ, dự án học tập,..., từ đó giúp HS rèn luyện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng và chính xác nhất.

Môn TA đề cao vai trò của HS với tư cách là người học tích cực, chủ động. Qua những hình thức luyện tập từ đơn giản đến phức tạp, HS có được khả năng đề xuất ý tưởng, tạo ra sản phẩm mới trong học tập và cuộc sống, suy nghĩ không theo lối mòn, nhờ đó đề xuất được các giải pháp phù hợp với bối cảnh giao tiếp trong môi trường học tập cũng như cuộc sống hàng ngày.

2.2. Năng lực đặc thù trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh 2018

Nếu những yêu cầu về phát triển các NL chung: *NL tự chủ và tự học*, *NL giao tiếp và hợp tác*, *NL giải quyết vấn đề và sáng tạo* được mô tả trong CTGDPT tổng thể thì định hướng về NL đặc thù môn học (NL giao tiếp) được thể hiện cụ thể và chi tiết trong CTTA 2018. Định hướng về NL giao tiếp được bám sát trong toàn bộ chương trình và là cơ sở quan trọng để xác định đặc điểm môn học, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung, phương pháp, đánh giá kết quả giáo dục trong chương trình. Tuyên ngôn về đặc điểm của chương trình nêu rõ: “Là một trong những môn học công cụ ở trường phổ thông, môn TA không chỉ giúp HS hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng TA mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung, để sống và làm việc hiệu quả hơn, để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời... Mục tiêu cơ bản của Chương trình giáo dục phổ thông môn TA là giúp HS hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp)”.

2.2.1. Mô hình của Wilkin và Van Ek về phát triển năng lực giao tiếp trong dạy học tiếng Anh

“Từ năm 1970 trở lại đây, việc giảng dạy ngôn ngữ ngày càng chuyển dần sang đường hướng giao tiếp. Đường hướng này được xem như là kết quả của sự chuyển dịch từ quan điểm coi ngôn ngữ như một hệ hình sang quan điểm coi ngôn ngữ như một phương tiện giao tiếp” (Nguyễn Thị Hoàng Huệ và cộng sự, 2017). Nhóm tác giả cho rằng, trong dạy học phát triển NL giao tiếp cho HS, bên cạnh quan điểm “đi từ cấu trúc bề mặt đến ý nghĩa ngôn ngữ” và quan điểm “đi từ ý nghĩa đến cấu trúc bề mặt ngôn ngữ”, cần kể đến quan điểm xây dựng “chương trình theo định hướng giao tiếp”, chú trọng đến phương pháp phát triển NL giao tiếp cho HS hoàn toàn xoay quanh thiết kế chương trình. Để đạt được mục tiêu phát triển NL giao tiếp cho HS, cần phải có một cách tiếp cận mới trong thiết kế chương trình khác với tiếp cận cấu trúc dựa trên việc lựa chọn các cấu trúc ngữ pháp và đơn vị từ vựng theo những tiêu chí như tính đơn giản, tính phổ thông, phạm vi sử dụng,... Các tác giả đã liệt kê 2 mô hình phổ biến của chương trình dựa vào giao tiếp là mô hình của Wilkin và Van Ek.

CT dạy học theo mô hình của Wilkin nhấn mạnh đến ý nghĩa hơn là hình thái của ngôn ngữ đích. Mô hình này lấy “NL giao tiếp của người học làm xuất phát điểm” (Wilkin, 1976), do vậy khi xây dựng chương trình dạy học, cần phải xác định nhu cầu của người học, từ đó làm rõ hệ thống khái niệm, chức năng trong ngôn ngữ đích cần trang bị cho người học và lựa chọn những phương tiện ngôn ngữ cần thiết để thực hiện những chức năng đó. Trong mô hình này, Wilkin nhấn mạnh đến 3 phạm trù khi thiết kế chương trình giao tiếp, đó là: (1) các phạm trù ngữ pháp - ngữ nghĩa được thể hiện thông qua ý nghĩa của hệ thống ngữ pháp; (2) các phạm trù tình thái thể hiện thái độ của người nói thông qua hệ thống ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; (3) các phạm trù chức năng giao tiếp.

CT dạy học theo mô hình của Van Ek (1980) bao gồm các thành tố: (1) các tình huống giao tiếp thể hiện qua các chủ đề; (2) các chức năng ngôn ngữ trang bị cho người học; (3) yêu cầu người học cần thực hiện trong mỗi chủ đề; (4) những khái niệm chung và khái niệm chuyên biệt mà người học có thể xử lý; (5) những hình thái ngôn ngữ mà người học sử dụng; (6) các kỹ năng giúp người học thực hiện được các chức năng này.

Mặc dù có một số hạn chế như quá chú trọng đến đề tài du lịch và các kỹ năng khẩu ngữ (Nguyễn Thị Hoàng Huệ và cộng sự, 2017), so với mô hình của Wilkin, mô hình chương trình của Van Ek đã đề cập đến các yếu tố ngoài

ngôn ngữ như hệ thống tình huống giao tiếp thể hiện qua các chủ đề trong chương trình dạy học, nhấn mạnh đến sự kết hợp của các kỹ năng giao tiếp trong việc thực hiện các chức năng giao tiếp. Bên cạnh đó, chương trình theo mô hình của Van Ek còn bổ sung thêm thành tố về yêu cầu cần đạt của người học trong mỗi chủ đề.

Trên cơ sở những tóm lược nêu trên, có thể thấy rằng, quan điểm lấy chương trình dựa vào giao tiếp là một xu thế trong đường hướng dạy học giao tiếp. Khi thiết kế chương trình dạy học ngoại ngữ nói chung và TA nói riêng, có thể tham khảo có chọn lọc những thành tố của các mô hình của Wilkin và Van Ek để phát triển NL giao tiếp cho HS.

2.2.2. Hình thành và phát triển năng lực đặc thù môn Tiếng Anh (năng lực giao tiếp) trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh 2018

NL đặc thù là NL được hình thành và phát triển chủ yếu thông qua một (một số) môn học và hoạt động giáo dục nhất định. Khác với yêu cầu phát triển các NL chung, việc hình thành và phát triển NL đặc thù được dựa vào ưu thế nổi trội của mỗi môn học, có nghĩa là mỗi môn học lựa chọn một/một số NL nào đó mà môn học này có điều kiện và ưu thế phát triển tốt nhất. Theo đó, môn TA có thể hình thành và phát triển NL đặc thù của môn học là NL giao tiếp TA. Trong CTGA 2018, NL giao tiếp TA được hiểu là “khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) để tham gia vào các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong những tình huống hay ngữ cảnh có nghĩa với các đối tượng giao tiếp khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp của bản thân hay yêu cầu giao tiếp của xã hội. Năng lực giao tiếp được thể hiện thông qua các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết”. Có thể nói rằng, quan niệm về NL giao tiếp như trên có nhiều điểm tương đồng với quan điểm về mô hình chương trình dạy học giao tiếp của Wilkin và Van Ek bởi quan niệm về NL giao tiếp trong CTGA 2018 đã đề cập đến những yếu tố như: (1) Nhu cầu giao tiếp của người học; (2) Hệ thống kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp); (3) Phạm trù chức năng và nhiệm vụ giao tiếp; (4) Các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp; (5) Phạm trù tình huống, ngữ cảnh giao tiếp.

Định hướng phát triển NL giao tiếp cho người học được thể hiện xuyên suốt trong các thành tố của CTGA 2018: mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung, phương pháp và đánh giá kết quả giáo dục. Cụ thể là:

a) Mục tiêu

Mục tiêu trong CTGA 2018 bao gồm mục tiêu chung của môn TA ở phổ thông và mục tiêu cụ thể cho từng cấp học. Mục tiêu chung nêu rõ: chương trình “giúp HS có một công cụ giao tiếp mới, hình thành và phát triển cho HS năng lực giao tiếp bằng TA thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết”. Mục tiêu của mỗi cấp học là sự cụ thể hóa mục tiêu chung và nhấn mạnh đến các yêu cầu về hình thành, phát triển các kỹ năng, kiến thức, thái độ/giá trị liên quan đến NL giao tiếp TA cho HS. Mục tiêu của các cấp học sau được xây dựng trên cơ sở phát triển và mở rộng các thành phần được đề cập ở cấp học trước. Cụ thể như sau:

Bảng 2. Mục tiêu môn TA ở phổ thông (Bộ GD-ĐT, 2018b)

	Tiểu học	THCS	THPT
Kỹ năng	Giao tiếp đơn giản bằng TA thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói.	Sử dụng TA như một công cụ giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và trực tiếp trong những tình huống gần gũi và thường nhật.	Sử dụng TA như một công cụ giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và thiết thực về những chủ đề quen thuộc liên quan đến nhà trường, hoạt động vui chơi, giải trí, nghề nghiệp,...
Kiến thức	Có kiến thức cơ bản và tối thiểu về TA bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua TA có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá của các quốc gia nói TA và của các quốc gia khác trên thế giới.	Có kiến thức cơ bản về TA, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua TA có những hiểu biết khái quát về đất nước, con người, nền văn hoá của các quốc gia nói TA và của các quốc gia khác trên thế giới.	Tiếp tục hình thành và phát triển kiến thức cơ bản về TA, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua TA có những hiểu biết sâu rộng hơn về đất nước, con người, nền văn hoá của các quốc gia nói TA và của các quốc gia khác trên thế giới.
Thái độ/Giá trị	Có thái độ tích cực đối với việc học TA; biết tự hào,	Có hiểu biết và tự hào về những giá trị của nền văn hoá	Hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá, đồng thời bước đầu

	yêu quý và trân trọng nền văn hoá và ngôn ngữ của dân tộc mình.	dân tộc mình, có thái độ tích cực đối với môn học và việc học TA.	phản ánh được giá trị nền văn hoá Việt Nam bằng TA.
--	---	---	---

b) Yêu cầu cần đạt

Một trong những đặc điểm của chương trình xây dựng theo định hướng phát triển NL là chương trình được biên soạn và thực hiện dựa trên yêu cầu cần đạt về kết quả học tập của HS (learning outcomes) sau mỗi giai đoạn giáo dục nhất định. Trong CTTA 2018, yêu cầu cần đạt là sự cụ thể hóa mục tiêu giáo dục thông qua mô tả những gì HS cần phải đạt được khi kết thúc mỗi cấp học. Ví dụ, yêu cầu cần đạt về NL giao tiếp TA khi kết thúc cấp trung học phổ thông được thể hiện như sau: “Kết thúc cấp trung học phổ thông, HS phải đạt trình độ về năng lực giao tiếp Bậc 3 quy định trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể là: “Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra ở những nơi ngôn ngữ đó được sử dụng. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lí do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình”.

c) Nội dung giáo dục

Nội dung khái quát mô tả các mạch nội dung chính của chương trình, đó là: (1) chủ điểm/chủ đề phù hợp với hứng thú, sở thích, nhu cầu của HS; (2) danh mục các chức năng và nhiệm vụ ngôn ngữ phù hợp với chủ điểm/chủ đề; (3) Các kiến thức ngôn ngữ cần thiết cho NL giao tiếp TA ở các bậc tương ứng quy định trong chương trình. Đây cũng chính là những phạm trù cần thiết của một chương trình dạy học dựa vào giao tiếp theo mô hình của Van Ek. Nội dung dạy học của CTTA 2018 được phân cấp và phát triển tiếp nối xoay quanh các mạch nội dung này để tạo thành chỉnh thể thống nhất qua các giai đoạn giáo dục.

Để hình thành và phát triển NL giao tiếp, kiến thức ngôn ngữ đóng vai trò là phương tiện để dạy học các kĩ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết. Ở cấp tiểu học (lớp 3-5), cần ưu tiên phát triển hai kĩ năng nghe và nói. Ở cấp THCS, các kĩ năng giao tiếp nghe và nói vẫn được tiếp tục phát triển và thông qua luyện tập kết hợp các kĩ năng để tiến tới phát triển đồng đều cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp THPT.

Để phát triển NL giao tiếp, CTTA 2018 không chủ trương dạy sâu vào các nội dung mang tính hàn lâm nhằm nghiên cứu ngôn ngữ mà chỉ cung cấp một số kiến thức ngôn ngữ cơ bản, nền tảng để người học có thể sử dụng trong việc thực hành giao tiếp trong các tình huống và ngữ cảnh phù hợp. Đồng thời, nội dung dạy học được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển NL giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc, viết theo các cấp độ tăng dần xuyên suốt ở cả ba cấp học giúp bảo đảm tính chất thống nhất, phát triển, tăng dần trong toàn bộ chương trình. Định hướng này thể hiện rõ đặc điểm của chương trình phát triển NL, không lấy việc trang bị kiến thức làm mục tiêu giáo dục.

d) Phương pháp giáo dục

CTTA 2018 quy định phương pháp giáo dục chủ đạo là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT). Việc lựa chọn CLT làm phương pháp dạy học chủ đạo khi dạy học môn TA xuất phát từ những cơ sở sau:

- Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp là PPDH phù hợp và hiệu quả để đáp ứng mục tiêu cơ bản của CTTA ở phổ thông là phát triển NL giao tiếp TA. Đường hướng này nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển NL giao tiếp của HS thông qua việc sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng và phù hợp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết.

- Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép và tạo cơ hội sử dụng các phương pháp, kĩ thuật, hình thức tổ chức dạy học phong phú, linh hoạt, phù hợp với điều kiện dạy học và đối tượng HS đa dạng ở các địa phương.

- Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp có những điểm tương đồng với đường hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục học, từ đó khuyến khích GV áp dụng những phương pháp dạy học nhằm tăng cường tính hiệu quả của quá trình dạy học trên cơ sở nhấn mạnh thích đáng đến vai trò học tập chủ động, sáng tạo, tích cực của HS.

e) Đánh giá kết quả giáo dục

CTTA 2018 quy định việc đánh giá kết quả học tập của HS nhằm mục đích cung cấp thông tin phản hồi về NL giao tiếp bằng TA mà HS đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Việc đánh giá hoạt động học tập của HS phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của CT, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kĩ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp HS đạt được các bậc quy định về NL giao tiếp khi kết thúc các cấp tiểu học, THCS và THPT.

Việc đánh giá kết quả học tập môn TA ở phổ thông được thực hiện thông qua đánh giá *NL giao tiếp* TA của HS thể hiện qua nghe, nói, đọc, viết sau mỗi giai đoạn học tập. Kết thúc cấp tiểu học, THCS, THPT, HS phải đạt được *NL giao tiếp* tương ứng Bậc 1, Bậc 2, Bậc 3 quy định trong *Khung NL ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* (Bộ GD-ĐT, 2014).

3. Kết luận

CTTA 2018 được xây dựng với những điểm mới nổi bật so với CTTA 2006. Một trong những điểm mới đáng chú ý là chương trình được thiết kế theo định hướng phát triển NL cho người học. Đây là xu thế chung trong phát triển chương trình dạy học trên thế giới, giúp đào tạo thế hệ HS có những NL cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong thời đại 4.0. Những phân tích ở trên cho thấy CTTA 2018 đề cập đến mục tiêu phát triển những NL chung (NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo) và NL đặc thù của môn TA (NL giao tiếp). Những mô tả và yêu cầu cụ thể về các NL chung được thể hiện chủ yếu trong CTGDPT tổng thể 2018, còn CTTA 2018 tập trung làm rõ định hướng phát triển NL giao tiếp trong dạy học TA ở phổ thông. Thông qua việc tổng thuật, giới thiệu về các NL (NL chung và NL đặc thù) trong CTGDPT tổng thể và CTTA 2018, bài báo đã phân tích cách thức những NL này được hình thành và phát triển trong CT, từ đó giúp người đọc hiểu rõ hơn về định hướng dạy học phát triển NL của chương trình. Hi vọng rằng, cùng với sự chú ý và đầu tư thích đáng để nâng cao NL GV, trang bị cơ sở vật chất, đổi mới đánh giá kết quả giáo dục, ..., việc dạy học TA theo chương trình định hướng phát triển NL sẽ tạo được bước đột phá cho chất lượng dạy học ngoại ngữ nói chung và TA nói riêng ở trường phổ thông.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm Quyết định số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* (ban hành kèm theo Quyết định số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Hoàng Văn Vân (2019). Giáo dục ngoại ngữ ở bậc phổ thông trên thế giới: Tình hình hiện tại và những vấn đề. *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 35(5), 1-2.
- Nguyễn Thị Hoàng Huệ, Nguyễn Thị Hồng Tuyên, Nguyễn Thị Huệ (2017). Một số quan điểm về phát triển năng lực giao tiếp cho giảng dạy ngoại ngữ. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 3 tháng 8*, 276-279.
- Thủ tướng Chính phủ (2008). *Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2008-2020”*.
- Van Ek, J. A., & Alexander, L. G. (1980). *The Threshold Level English*. Oxford: Pergamon Press.
- Wilkins, D. A. (1976). *Notional Syllabuses*. Oxford University Press.